

Bản án số: 389 /2018/DS-ST

Ngày : 21-8-2018

V/v tranh chấp hợp đồng

vay tài sản; Yêu cầu tuyên bố văn bản
công chứng vô hiệu.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kính

2. Bà Lại Thị Đắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngon – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: đường Đ, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: đường P, Phường M, Quận T, TP. Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Lâm T, sinh năm 1970

Địa chỉ: đường T, Phường B, Quận N, TP. Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

3.2 Văn phòng Công chứng C

Địa chỉ: Đường H, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phùng K, sinh năm 1960

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị D, sinh năm 1987

(Văn bản ủy quyền số 16/UQ-CCCL ngày 27/3/2018).

Địa chỉ: H , L , Đà Nẵng.

(Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2017 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà cho bà Nguyễn Thị A vay số tiền tổng cộng là 40.000.000 đồng, thời gian từ năm 2009 đến 2014, vay làm nhiều đợt, vay không thời hạn, lãi suất 1,5%/ tháng, hai bên không lập hợp đồng vay. Cụ thể như sau:

- + Đầu năm 2009, bà cho bà A vay số tiền là 2.000.000 đồng;
- + Tháng 5/2013, bà cho bà A vay số tiền là 5.000.000 đồng;
- + Tháng 1/2014, bà cho bà A vay số tiền là 8.000.000 đồng;
- + Tháng 6/2014, bà cho bà A vay số tiền là 5.000.000 đồng;
- + Ngày 23/8/2014, bà cho bà A vay số tiền là 10.000.000 đồng;
- + Ngày 12/12/2014, bà cho bà A vay số tiền là 10.000.000 đồng.

Bà P yêu cầu bà Nguyễn Thị A trả số tiền đã vay tổng cộng là 40.000.000 đồng.

Về lãi suất: Bà yêu cầu tính lãi theo qui định của pháp luật, đến ngày 19/9/2017 lãi suất là: $1,125\%/tháng \times 33 \text{ tháng} = 14.955.000 \text{ đồng}$.

Bà A đã trả lãi cho bà được hai lần tổng cộng là 1.200.000 đồng (cụ thể: ngày 26/4/2016 trả lãi 600.000 đồng; ngày 26/5/2016 trả lãi 600.000 đồng). Như vậy, tiền lãi còn lại là $14.955.000 \text{ đồng} - 1.200.000 \text{ đồng} = 13.755.000 \text{ đồng}$.

Nay bà P yêu cầu trả lãi tính đến ngày 19/9/2017 là 13.755.000 đồng và không tính lãi tiếp theo. Như vậy, tổng cộng số tiền bà P yêu cầu bà A trả là :

$40.000.000 \text{ đồng} + 13.755.000 \text{ đồng} = 53.755.000 \text{ đồng}$.

Bà đã yêu cầu bà A trả tiền vay nhiều lần nhưng bà A không trả, do bà đi lại khó khăn nên bà có nhờ ông Lâm T đứng tên giùm hợp đồng vay thay thế cho bà và hợp đồng được công chứng tại Phòng công chứng C cùng với bà Ánh.

Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/3/2018, bà Nguyễn Thị P yêu cầu: Hủy hợp đồng vay tiền có số công chứng 003452 ngày 22/3/2016 giữa ông Lâm T và bà Nguyễn Thị A , hợp đồng đã được công chứng tại Văn phòng công chứng C vì bà P đã nhờ ông Lâm T đứng tên giùm bà để công chứng Hợp đồng vay với bà Ánh, thực tế bà A không quen biết ông Lâm T và không vay của ông Lâm T số tiền 40 triệu đồng. Do bà đi lại khó khăn, không biết chạy xe nên nhờ ông Lâm T đi thay.

Bị đơn bà Nguyễn Thị A trình bày: Bà xác nhận có vay của bà Nguyễn Thị P số tiền 40.000.000 đồng trong nhiều đợt. Do bà mới mở tiệm nên kẹt tiền chưa thể trả cho bà Phần. Bà P yêu cầu bà ra công chứng hợp đồng vay tiền có nội dung nêu trên với ông Lâm T vào ngày 22/3/2016 tại Văn phòng công chứng C . Bà không quen biết ông Lâm T , bà không vay của ông T số tiền 40.000.000 đồng, mà thực tế là bà đã vay tiền của bà P .

Bà A xác nhận đã trả lãi cho bà P được 02 lần với số tiền là 1.200.000 đồng.

Về lãi: Bà P yêu cầu tính lãi theo qui định của pháp luật và chỉ tính lãi đến ngày 19/9/2017 là 13.755.000 đồng, không tính lãi tiếp theo thì bà A xin trả một nửa tiền lãi là 7.000.000 đồng.

Ngày 01/02/2018 bà Nguyễn Thị A có yêu cầu phản tố Hủy hợp đồng vay tiền có số công chứng 003452 ngày 22/3/2016 giữa bà Nguyễn Thị A và ông Lâm T, hợp đồng đã được công chứng tại Văn phòng công chứng C vì hợp đồng công chứng với nội dung bà vay số tiền 40.000.000 đồng của ông T là không đúng, không có thực. Tòa án đã ra Thông báo nộp tạm ứng án phí theo qui định của pháp luật nhưng bà A không nộp.

Nay bà P có yêu cầu Hủy hợp đồng công chứng trên, bà đồng ý với yêu cầu của bà P, bà cũng xin Hủy hợp đồng công chứng trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm T trình bày: Ông có quen biết với gia đình bà Nguyễn Thị P. Bà P có cho bà Nguyễn Thị A vay số tiền 40.000.000 đồng. Nhưng do bà P đi lại khó khăn nên nhờ ông đến Phòng công chứng C ký kết hợp đồng vay tiền giữa ông và bà A, nội dung của hợp đồng là bà A vay của ông số tiền 40.000.000 đồng, Hợp đồng được công chứng ngày 22/3/2016. Ông thừa nhận: Thực tế ông không có cho bà A vay số tiền trên mà là bà A vay tiền của bà P, bà P nhờ ông đến Phòng công chứng để công chứng giùm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng C - Người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị D trình bày: Ngày 22/3/2016 Văn phòng Công chứng C nhận được yêu cầu công chứng hợp đồng vay tiền giữa ông Lâm T (bên cho vay) và bà Nguyễn Thị A (bên vay), số công chứng 003452. Khi thực hiện việc chứng nhận hợp đồng vay tiền, căn cứ vào các chứng từ do người yêu cầu cung cấp như: Hợp đồng vay tiền đã ký giữa hai bên ngày 22/3/2016, giấy tờ tùy thân của hai bên, các bên đã tự đọc và nghe Công chứng viên đọc lại Hợp đồng vay tiền này. Các bên tham gia giao dịch đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký tên, lấn tay vào Hợp đồng.

Do vậy, Văn phòng Công chứng C khẳng định Hợp đồng vay tiền có số công chứng 003452 do Công chứng viên Văn phòng Công chứng C chứng nhận giữa ông Lâm T và bà Nguyễn Thị A vào ngày 22/3/2016 là hợp pháp, hợp lệ, đúng pháp luật, phù hợp ý chí, mong muốn, nguyện vọng theo yêu cầu của người yêu cầu công chứng và hình thức, nội dung của văn bản là không vi phạm với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn, Văn phòng Công chứng C đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Ngày 19/9/2017 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm T và ngày 08/6/2018 người đại diện theo ủy quyền của Văn phòng Công chứng C là bà Trần Thị D có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Về nội dung vụ án: Yêu cầu của bà P buộc bà A trả tiền vay 40.000.000 đồng và lãi 7.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định pháp luật nên đề nghị Tòa án chấp nhận. Yêu cầu Hủy hợp đồng vay tiền có số công chứng 003452 được công chứng tại Văn phòng công chứng C vào ngày 22/3/2016, do nội dung của hợp đồng là không có thực và các bên đương sự đồng ý hủy hợp đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tuyên bố hợp đồng trên vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2017 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 13/3/2018 của bà Nguyễn Thị P , Hội đồng xét xử nhận thấy đây là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu. Do bị đơn bà Nguyễn Thị A cư trú tại Quận 8, theo qui định tại các Điều 26, Khoản 6 Điều 27, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm T và người đại diện theo ủy quyền của Văn phòng Công chứng C là bà Trần Thị D có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T , bà D .

[2]. Về các yêu cầu của đương sự:

Bà P cho bà A vay số tiền 40.000.000 đồng thời gian từ năm 2009 đến 2014, vay làm nhiều đợt, vay không thời hạn, lãi suất 1,5%/ tháng, nội dung phù hợp với quy định tại Điều 401, Điều 402, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 và được các bên thừa nhận. Trong thời gian vay, bà A trả lãi không đầy đủ theo thỏa thuận nên bà P thông báo, yêu cầu bà A thanh toán tiền vốn gốc và lãi cho bà nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà A chưa thanh toán được. Việc bà P yêu cầu bà A trả số tiền này là có cơ sở theo quy định tại Điều 471, Điều 474, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005 và bà A cũng đồng ý trả nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005: “*Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng*”. Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm. Như vậy lãi suất mà bà P cho bà A vay được phép là 13,5%/năm (tương đương 1,125%/tháng). Vì vậy, bà P yêu cầu tính lãi suất 1,5%/tháng là chưa phù hợp, lãi suất vay được điều chỉnh lại theo qui định của pháp luật tại thời điểm vay là 1,125%/tháng kể từ ngày 12/12/2014 đến ngày Tòa án xét xử.

Tiền lãi tính đến ngày 19/9/2017 là:

40.000.000 đồng x 1,125 %/tháng x 33 tháng 07 ngày = 14.955.000 đồng.

Bà A đã trả lãi được 02 lần với số tiền 1.200.000 đồng. Tiền lãi còn lại chưa thanh toán là: 14.955.000 đồng - 1.200.000 đồng = 13.755.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bà P yêu cầu bà A trả là:

40.000.000 đồng + 13.755.000 đồng = 53.755.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà P đồng ý yêu cầu tính lãi theo qui định của pháp luật và chỉ tính lãi đến ngày 19/9/2017, không tính lãi tiếp theo. Bà A xin giảm tiền lãi và xin trả một nửa tiền lãi là 7.000.000 đồng. Bà P đồng ý số tiền bà A trả là 40.000.000 đồng (vốn gốc) + 7.000.000 đồng (tiền lãi) = 47.000.000 đồng. Xét, đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự, không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về yêu cầu Hủy hợp đồng vay tiền giữa bà Nguyễn Thị A và ông Lâm T, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng C, số công chứng 003452 vào ngày 22/3/2016: Xét, Văn phòng công chứng C đã công chứng hợp đồng theo yêu cầu của các đương sự và thực hiện theo đúng qui định của Luật công chứng. Tuy nhiên, nội dung của Hợp đồng mà ông Lâm T, bà A yêu cầu công chứng là không có thật. Căn cứ Điều 129 của Bộ luật dân sự năm 2005: “*Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch khác thì giao dịch giả tạo vô hiệu, còn giao dịch bị che giấu vẫn có hiệu lực*”, các bên tham gia giao dịch là ông T, bà A đều xác nhận là không quen biết nhau, ông T được bà P nhờ đi công chứng thay bà P, nội dung vay tài sản giữa ông T và bà A là không có thực, nay các bên đều đồng ý thống nhất yêu cầu Hủy hợp đồng vay tiền giữa bà A và ông Lâm T lập ngày 22/3/2016 tại Văn phòng công chứng C. Xét, yêu cầu trên là phù hợp với qui định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận Tuyên bố văn bản công chứng trên là vô hiệu.

Về xử lý hậu quả của Hợp đồng vô hiệu: Theo Điều 137 của Bộ luật dân sự năm 2005: “*Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập*”. Do các bên đương sự không có yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của Hợp đồng công chứng vô hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Để đảm bảo quyền lợi của bên được thi hành án cần áp dụng Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong thời gian chưa thi hành án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

+ Bị đơn bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng (án phí Tuyên bố hợp đồng công chứng vô hiệu), án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là:

5% x 47.000.000 đồng = 2.350.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, Khoản 6 Điều 27, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 122, Điều 124, Điều 127, Điều 129, Điều 137, Điều 401, Điều 402, Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ vào các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P .

1. Buộc bà Nguyễn Thị A phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị P tổng số tiền 47.000.000 (bốn mươi bảy triệu) đồng (trong đó, tiền vốn gốc là 40.000.000 đồng, tiền lãi là 7.000.000 đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu thi hành án trở đi, nếu bà Nguyễn Thị A chưa thi hành số tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Tuyên bố Hợp đồng vay tiền có số công chứng 003452 vào ngày 22/3/2016 tại Văn phòng công chứng Chợ Lớn giữa bà Nguyễn Thị A và ông Lâm T là vô hiệu.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.350.000 (hai triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0014376 ngày 13/3/2018 và 1.415.000 (một triệu bốn trăm mười lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0026892 ngày 06/3/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự Quận 8.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THA Dân sự Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thu Hiệp